

# Sách hướng dẫn nhập học • chuyển trường dành cho trẻ con và phụ huynh đa văn hóa ~Ấn bản của thành phố Fujisawa~

(ベトナム語)



## Lời mở đầu

Chào mừng các em và phụ huynh đến với trường học của thành phố Fujisawa, tỉnh Kanagawa, Nhật Bản! Quyển sách hướng dẫn này sẽ giải thích thật dễ hiểu những thông tin liên quan đến trường tiểu học và trường trung học cơ sở ở Nhật Bản. Chúng tôi luôn luôn hết lòng hỗ trợ để các em có thể vui thích học ở tại trường.

## 1. Thể chế hỗ trợ của thành phố Fujisawa

Tại thành phố Fujisawa, có những trường có lớp học quốc tế để hỗ trợ tiếng Nhật cho các em có nhu cầu. Hay là có những nhân viên hướng dẫn tiếng Nhật đi đến trường để dạy tiếng Nhật cho các em nếu cần thiết. Nếu nghĩ là cần được hỗ trợ thì hãy sớm bàn thảo với nhà trường.

Ngoài ra, đối với trường tiểu học Shonandai thì có lớp dạy tiếng Nhật. Học sinh tiểu học và trung học cơ sở ở những trường không có lớp học quốc tế, cần được hướng dẫn tiếng Nhật (vì trình độ tiếng Nhật hiện tại kém nên khó sinh hoạt trong trường được bằng tiếng Nhật) có thể đi (= đến lớp) học thêm. Học sinh tiểu học đi đến lớp thì phải đi chung với phụ huynh.

Đối với lúc bàn thảo thì có thể yêu cầu được thông dịch.

※Cũng có khi không có thông dịch viên hay là không có thông dịch viên của ngôn ngữ được yêu cầu.

## 2. Chương trình dự định trong năm của trường tiểu học (tùy trường, sẽ khác)

Các em sẽ nhận bảng chương trình dự định của nguyên năm và của mỗi tháng từ thầy cô giáo. Các em sẽ để các giấy tờ, thư từ quan trọng vào bao liên lạc (➡).

Phụ huynh hãy kiểm tra bao liên lạc ở nhà mỗi lần.

Các em sẽ ghi bài tập và những dự định học tập của ngày hôm sau vào sổ liên lạc (➡). Phụ huynh hãy xem sổ liên lạc ở nhà mỗi lần. Sau đó, xin hãy chuẩn bị những đồ dùng mang đi cho ngày hôm sau.

Khi có bài tập làm ở nhà thì, trong phạm vi có thể, người nhà cũng hãy xem cho các em.



一学期 ICHI GAKKI Học kỳ 1	Tháng 4	始業式 SHIGYOUSHIKI (Lễ khai giảng), 入学式 NYUUGAKUSHIKI (Lễ nhập học), 身体測定・健康診断 SHINTAI SOKUTEI/KENKOU SHINDAN (Cân đo cơ thể・Khám sức khỏe), 授業参観 JYUGYOU SANKAN (Tham quan giờ học), 懇談会 KONDANKAI (Buổi họp mặt), 遠足 Ensoku (Đi chơi xa)
	Tháng 5	家庭訪問 KATEI HOUMON (Giáo viên đến thăm viếng gia đình)
	Tháng 6	引渡訓練 HIKIWATASHI KUNREN (Huấn luyện việc đón nhận), 個人面談 KOJIN MENDAN (Bàn thảo cá nhân), 水泳学習 SUIEI GAKUSHUU (Học bơi), 社会科見学 SHAKAIKA KENGAKU (Tham quan học tập môn Xã hội) (Học sinh lớp 3 trở lên)
	Tháng 7	水泳学習 SUIEI GAKUSHUU (Học bơi), 夏休み NATSU YASUMI (Nghỉ Hè) (từ khoảng ngày 21 tháng 7)
二学期 NI GAKKI Học kỳ 2	Tháng 8	夏休み NATSU YASUMI (nghỉ Hè) (đến khoảng ngày 31 tháng 8)
	Tháng 9	水泳学習 SUIEI GAKUSHUU (Học bơi), 修学旅行 SHUUGAKU RYOKOU (Đi du lịch học tập) (học sinh lớp 6)
	Tháng 10	運動会 UNDOU KAI (Hội thi thể thao), 宿泊学習 SHUKUHAKU GAKUSHUU (Học sinh học tập bên ngoài và ngủ trọ lại qua đêm) (học sinh lớp 5)
	Tháng 11	授業参観 JYUGYOU SANKAN (Tham quan giờ học), 懇談会 KONDAN KAI (Buổi họp mặt), 個人面談 KOJIN MENDAN (Bàn thảo cá nhân), 遠足 ENSOKU (Đi chơi xa)
三学期 SAN GAKKI Học kỳ 3	Tháng 12	冬休み FUYU YASUMI (Nghỉ Đông) (từ khoảng ngày 25 tháng 12)
	Tháng 1	冬休み FUYU YASUMI (nghỉ Đông) (đến khoảng ngày 7 tháng 1)
	Tháng 2	授業参観 JYUGYOU SANKAN (Tham quan giờ học), 懇談会 KONDAN KAI (Buổi họp mặt)
	Tháng 3	卒業式 SOTSUGYOU SHIKI (Lễ tốt nghiệp), 修了式 SYUURYOU SHIKI (Lễ bế giảng), 春休み HARU YASUMI (Nghỉ Xuân) (từ khoảng ngày 25 tháng 3)

### 3. Dự định của 1 năm của trường trung học cơ sở (tùy trường, sẽ khác.)

Các em sẽ nhận bằng chương trình dự định của nguyên năm và của mỗi tháng từ thầy cô giáo.

前期 ZENKI (Kỳ đầu)	Tháng 4	<p>にゅうがくしき 入学式 NYUUGAKU SHIKI (Lễ nhập học), しぎょうしき 始業式 SHIGYOU SHIKI (Lễ khai giảng), ぶかつどうかりにゆうぶ 部活動仮入部 BUKATSUDOU KARI NYUUBU (Vào sinh hoạt tạm thời trong câu lạc bộ), しんたいそくてい・けんこうしんだん 身体測定・健康診断 SHINTAI SOKUTEI・KENKOU SHINDAN (Cân đo cơ thể・ Khám sức khỏe), P T A 総会 PTA SOUKAI (Đại hội toàn thể hội phụ huynh học sinh (PTA)), じゅぎょうさんかん 授業参観 JUGYOU SANKAN (Phụ huynh tham quan giờ học), かにていほうもん 家庭訪問 KATEI HOUMON (Giáo viên đến thăm viếng gia đình), ぜんこくがくりよく 全国学力・がくしゅうじょうきょうちょうさ 学習状況調査 ZENKOKU GAKURYOKU (Điều tra tình trạng học tập, học lực toàn quốc)</p>
	Tháng 5	<p>ぶかつどうせいしきにゆうぶ 部活動正式入部 BUKATUDOU SEISHIKI NYUUBU (Chính thức tham gia hoạt động của câu lạc bộ), たいいくさい 体育祭 TAIKUSAI (Hội thi thể thao), しゅうがくりょこう 修学旅行 SYUUGAKU RYOKOU (Đi du lịch học tập) (Lớp 3)</p>
	Tháng 6	<p>ころもが 衣替え KOROMO GAE (Thay quần áo theo mùa) ちゅうかん 中間テスト CHYUUKAN TESUTO (Thi giữa kỳ)</p>
	Tháng 7	<p>じゅぎょうさんかん 授業参観 JUGYOU SANKAN (Phụ huynh tham quan giờ học), しんろせつめいかい 進路説明会 SHINRO SETSUMEI KAI (Buổi họp giải thích về đường hướng tiếp tục học lên trên) なつやす 夏休み NATSU YASUMI (Nghỉ Hè) (từ khoảng ngày 21 tháng 7→)</p>
	Tháng 8	<p>なつやす 夏休み NATSU YASUMI (Nghỉ Hè) (→đến khoảng ngày 31 tháng 8)</p>
	Tháng 9	<p>きまつ 期末テスト KIMATSU TESUTO (Thi cuối kỳ), ぶんかさい 文化祭 BUNKA SAI (Lễ hội Văn hóa) *</p>
	Tháng 10	<p>ころもが 衣替え KOROMO GAE (Thay quần áo theo mùa), がっしょう 合唱コンクール GASSHOU KONKUURU (Cuộc thi hát Hợp ca)</p>
	Tháng 11	<p>ちゅうかん 中間テスト CHYUUKAN TESUTO (Thi giữa kỳ), しんろせつめいかい 進路説明会 SHINRO SETSUMEI KAI (Buổi họp giải thích về đường hướng tiếp tục học lên trên) (Năm lớp 3)</p>
	Tháng 12	<p>さんしやめんだん 三者面談 SANSHA MENDAN Cuộc nói chuyện 3 người (Năm lớp 3)</p>
後期 KOUKI (Kỳ sau)	Tháng 1	<p>がくねんまつ 学年末テスト GAKUNENMATSU TESUTO (Thi kiểm tra cuối năm học) (Năm lớp 3), しゅくはくがくしゅう 宿泊学習 SHUKUHAKU GAKUSHUU học tập bên ngoài có ngủ trọ lại qua đêm (Năm lớp 1)</p>
	Tháng 2	<p>かながわけんこうりつこうとうがっこうにゅうがくしゃせんぱつ 神奈川県公立高等学校入学者選抜 KANAGAWAKEN KOURITSU KOUTOU GAKKOU NYUUGAKUSHA SENBATSU (Thi tuyển chọn người vào của trường Trung học Phổ thông công lập tỉnh Kanagawa), がくねんまつ 学年末テスト GAKUNEN MATSU TESUTO Thi kiểm tra cuối năm học (Năm lớp 1, lớp 2)</p>
	Tháng 3	<p>そつぎょうしき 卒業式 SOTSUGYOU SHIKI (Lễ tốt nghiệp), しゅうりょうしき 修了式 SHUURYOU SHIKI (Lễ bế giảng), はるやす 春休み HARU YASUMI (Nghỉ Xuân, từ khoảng ngày 25 tháng 3)</p>



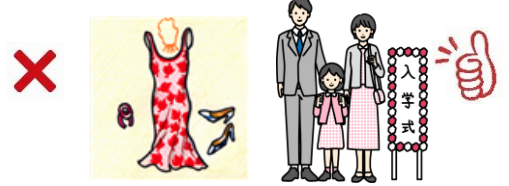
\*I: Vào tháng 9, Mạng lưới Giáo dục Đa văn hóa (ME-Net) sẽ tổ chức buổi 「Hướng dẫn học lên trung học phổ thông」 dành cho học sinh trung học cơ sở đa văn hóa và phụ huynh của các em. Để biết thêm chi tiết, vui lòng xem trang 17.

## 4. CÁC SỰ KIỆN CÓ LIÊN QUAN CHẶT CHẼ VỚI PHỤ HUYNH

### 1) 入学式 NYUUGAKU SHIKI (Lễ nhập học)

Học sinh lớp 1 và phụ huynh (là cha, mẹ) cùng đi đến trường.

Thầy cô hiệu trưởng sẽ nói lời chúc mừng.



Ngày này, lần đầu tiên học sinh sẽ gặp mặt thầy cô giáo chủ nhiệm và các bạn cùng lớp. Đối với lễ nhập học thì phụ huynh và học sinh lớp 1 cũng mặc đồ âu phục lịch sự bình thường. Không phải mặc áo quần đi dự tiệc. Ngày này, học sinh sẽ nhận sách giáo khoa. Các em mang đi theo 就学指定通知書 (SHUUGAKU SHITEI TSUUCHISHO; Giấy thông báo chỉ định đi học), cặp đeo sau lưng (tùy theo trường) và túi xách tay với giày uwabaki (giày mang trong trường). Khi vào trong trường thì phải thay giày đi bên ngoài ra, mang giày uwabaki vào. Tuân thủ thời gian bắt đầu lễ nhập học.



### 2) 身体測定・健康診断 SHINTAI SOKUTEI・KENKOU SHINDAN

(Cân đo cơ thể・Khám sức khỏe)

Học sinh sẽ được đo chiều cao và cân trọng lượng cơ thể tại trường, bác sĩ khám xem tình trạng sức khỏe của cơ thể đưa trẻ và sẽ ghi chép vào phiếu. Sau khi phụ huynh xem, đóng con dấu tên hay ký tên vào phiếu thì đưa trẻ sẽ mang phiếu đến trường. Cũng có trường chỉ phát phiếu thôi.



### 3) 家庭訪問 KATEI HOUMON (Thăm viếng gia đình)

Giáo viên chủ nhiệm sẽ đi đến nhà của trẻ học sinh. Giáo viên sẽ nói chuyện cùng phụ huynh cỡ chừng từ 10 đến 15 phút. Và sẽ nói chuyện về tình trạng sinh hoạt của trẻ ở nhà v.v...



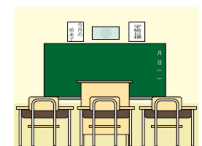
### 4) 個人面談 KOJIN MENDAN (Bàn thảo cá nhân)

三者面談 SANSHA MENDAN (Cuộc nói chuyện 3 người)

Giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh sẽ nói chuyện, bàn về việc học và sinh hoạt hằng ngày của con trẻ ở tại trường. Ở trường trung học cơ sở thì cũng sẽ nói về việc các đường hướng tiếp tục học lên trên và việc này cũng có thầy cô trách nhiệm. Cũng có thể bàn thảo với thầy cô đó về việc thi cử vào các trường trung học phổ thông, trường phổ thông nào có hỗ trợ tiếng Nhật v.v...

### 5) 授業参観 JUGYOU SANKAN (Tham quan giờ học)

Phụ huynh đến trường xem tình hình học tập của con trẻ. Phụ huynh có thể xem các bài viết của con mình và các món đồ con mình làm.



### 6) 懇談会 KONDAN KAI (Buổi họp mặt)

Phụ huynh sẽ họp giao lưu cùng giáo viên chủ nhiệm và những phụ huynh khác ở tại lớp của con mình. Xin hãy cố gắng tham gia nếu có thể được vì cũng có những liên lạc quan trọng.

ひきわたしくんれん  
**7) 引渡訓練 HIKIWATASHI KUNREN (Huấn luyện việc đón nhận)**

Luyện tập để phòng khi xảy ra tai họa như động đất v.v... Ngày có sự huấn luyện việc đón nhận con trẻ thì phụ huynh đến trường rước con mình về.



うんどうかい たいいくさい  
**8) 運動会・体育祭 UNDOU KAI・TAIKU SAI (Hội thi thể thao)**

Học sinh sẽ nhảy múa, chạy. Trước ngày undokai khoảng chừng 1 tháng là các em học sinh bắt đầu tập luyện. Có trường kết thúc chỉ trong nửa ngày và cũng có trường thì mang đi theo cơm bento.



えんそく  
**9) 遠足 ENSOKU (Đi chơi xa)**

しゃかいかけんがく  
**社会科見学 SHAKAIKA KENGAU (Tham quan học tập môn Xã hội)**

しゅうがくりょこう  
**修学旅行 SHUUGAKU RYOKOU (Đi du lịch học tập)**

しゅくはくがくしゅう  
**宿泊学習 SHUKUHAKU GAKUSHUU (Học sinh) học tập bên ngoài có ngủ trọ lại qua đêm**

Học sinh sẽ đi chung với các bạn đồng niên khóa và các giáo viên chủ nhiệm đến công viên và bể nuôi cá v.v...Đi bộ cũng có, mà đi bằng xe buýt và xe điện cũng có. Mang theo cơm bento. Đi du lịch học tập và học tập bên ngoài có ngủ lại qua đêm thì sẽ ngủ ở khách sạn v.v...Cũng có khi tốn nhiều tiền. Để có thể tham gia được thì cũng có cách là để dành tiền từng chút một.

おんがくはっぴょうかい  
**10) 音楽発表会 ONGAKU HAPPYOKAI (buổi biểu diễn nhạc)**

がくしゅうはっぴょうかい  
**学習発表会 GAKUSHUU HAPPYOKAI (các buổi thuyết trình học tập)**

ぶんかさい  
**文化祭 BUNKASAI (Lễ hội Văn hóa) (\* trường trung học cơ sở)**

がっしょうさい  
**合唱祭 GASSHOUSAI lễ hội hợp xướng/ca (\* trường trung học cơ sở)**

Học sinh sẽ hát một bài hát, trình bày những điều đã tìm hiểu hay diễn một vở kịch. Nếu trường học và năm lớp khác nhau thì việc trình bày phát biểu sẽ đổi khác.



そつぎょうしき  
**11) 卒業式 SOTSUGYOU SHIKI (Lễ tốt nghiệp)**

Học sinh lớp 6 (trường tiểu học) hay là lớp 3 trung học cơ sở và phụ huynh thì mặc âu phục lịch sự bình thường để tham gia. (Học sinh trung học cơ sở thì mặc đồ đồng phục). Học sinh tốt nghiệp thì sẽ nhận bằng tốt nghiệp từ thầy hiệu trưởng.



かつどう  
**12) PTA(Parent-Teacher Association) 活動 PTA KATSUDOU (Hoạt động của PTA)**

Có nhóm được gọi là PTA (gồm có phụ huynh và giáo viên). Phụ huynh sẽ trông coi đường đi học của các em và nhiều hoạt động khác ở tại trường vì các em học sinh. Trong phạm vi có thể nếu quý phụ huynh cũng tham gia vào hoạt động của PTA thì tốt biết mấy.



## 5. Quy định của trường học Nhật Bản (tùy trường, sẽ khác.)

- ① Không được mang: tiền, bánh kẹo, điện thoại di động, đồ chơi đến trường.



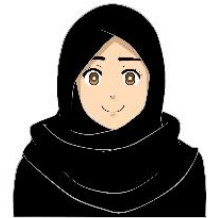
- ② Buổi sáng, khi đã đến trường, cho đến giờ ra về thì không được ra khỏi trường.

- ③ Đi đến trường thì phải đi bộ. Hãy đi theo đường đi học đã được quy định. Cũng có trường đi xe đạp đi học và đi xe buýt đi học. Xin hãy hỏi nơi trường học.



- ④ Không đi đến trường cùng với người nhà. Không đi đến trường bằng xe hơi.

- ⑤ Thông thường thì xỏ khuyên tai, uốn tóc, trang điểm và xịt dầu thơm (nước hoa) đều bị cấm. Trường hợp có lý do gì đó đặc biệt liên quan đến tôn giáo như khăn trùm đầu ヒジヤブ thì vui lòng tham khảo ý kiến với nhà trường.



- ⑥ Giờ học và các chương trình hoạt động của trường thì đừng vắng mặt.

- ⑦ Nếu dự định nghỉ dài hạn hay chuyển nhà, xin hãy nhanh chóng liên lạc đến trường.

- ⑧ Khi nghỉ học vì bị bệnh v.v..., hãy liên lạc đến nhà trường. (Cách thức liên lạc \* thì sẽ khác tùy theo trường. Xin hãy hỏi nơi nhà trường.)

- ⑨ Khi tới trễ (đi học trễ) hay khi về sớm (rời lớp ra về sớm) cũng phải liên lạc với trường.

- Khi tới trễ (đi học trễ) thì phụ huynh phải đi cùng con đến trường.
- Khi về sớm (rời lớp ra về sớm) thì phụ huynh phải đi đến trường rước con.



- ⑩ Có những việc thầy cô sẽ liên lạc đến phụ huynh bằng điện thoại hay bằng sổ liên lạc, nhưng cũng có những việc nhà trường sẽ gửi mail đến tất cả phụ huynh để thông báo.

\*Cách thức liên lạc thì có thể: vào mạng internet (phần 「khung Liên lạc đi trễ • vắng mặt」), điện thoại hay là viết vào sổ liên lạc v.v... Nơi phần 「khung Liên lạc đi trễ • vắng mặt」 thì nếu sử dụng hình thức Google là có nhiều ngôn ngữ sẽ được dịch tự động.

## ★Tham khảo 1: Cách thức liên lạc bằng điện thoại

Bên dưới là thí dụ khi liên lạc bằng điện thoại. Xin hãy tham khảo, (và nói theo bên phần tiếng Nhật).

①もしもし。  
Moshimoshi.

★年☆組、(子どもの名前 ●●) の家族です。  
★nen ☆kumi, ●● no kazoku desu.

②【Choose one from ＊】

\*きょうは 休みます  
Kyou wa yasumimasu.

\*きょうは 遅れます。  
Kyou wa okuremasu.

☆時★分に 行きます。  
☆ji ★fun ni ikimasu.

\*きょうは、早退します。  
Kyou wa soutai shimasu.

☆時★分に ●●が、迎えに 行きます。  
☆ji ★fun ni ●●ga mukae ni ikimasu.

③【Tell the reason】

\* (かぜ / けが ) です。  
( kaze / kega ) desu.

\* (お腹 / 頭 …) が 痛いです。  
( onaka / atama …) ga itai desu.

\* 熱が あります。(●●) °Cです。  
Netsu ga arimasu. ●● do desu.

\* 病院に 行きます。  
Byouin e ikimasu.

\* 家の 用事が あります。  
Ie no youji ga arimasu.

④よろしく おねがいします。  
Yoroshiku onegai shimasu.

① Alô

Tôi là người nhà của em (tên đứa trẻ ... )  
ở lớp ☆, cấp ★.

② Hãy chọn 1 trong các cách nói ＊

\*Hôm nay con tôi sẽ vắng mặt.

\*Hôm nay con tôi sẽ đến trễ.

Chúng tôi sẽ đi vào lúc

☆giờ ★phút

\*Hôm nay con tôi sẽ rời trường sớm .

(●●Cha/mẹ) sẽ đến đón vào lúc ☆giờ ★phút .

③【Nói lý do】

\*Con tôi bị (cảm / thương tích )

\*Con tôi bị  
(đau bụng / nhức đầu ...)

\*Con tôi bị nóng sốt ●● °C

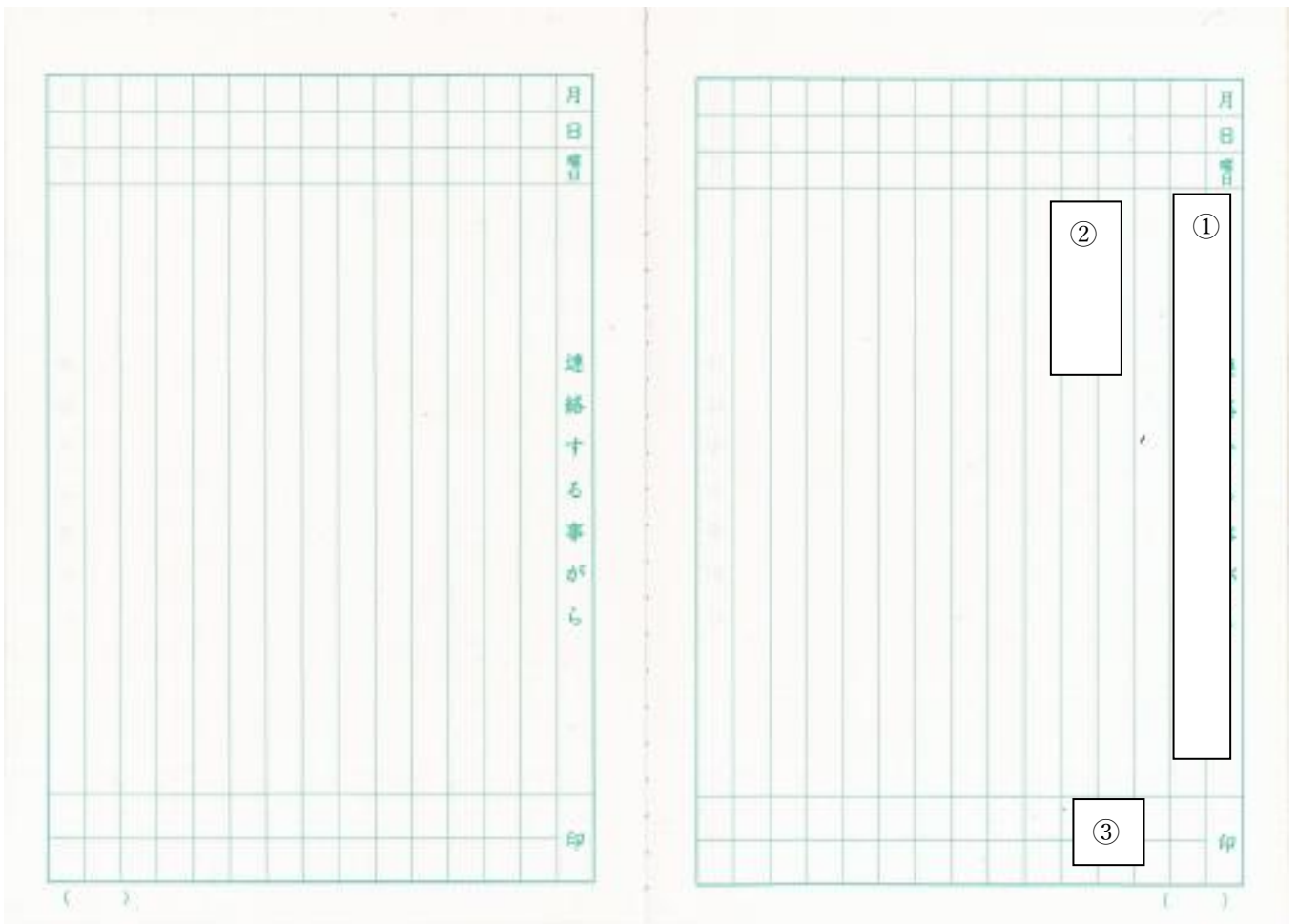
\*Chúng tôi sẽ đi bệnh viện .

\*Gia đình chúng tôi có việc .

④ Cảm ơn thầy cô .

★**Tham khảo 2: Cách thức liên lạc bằng sổ liên lạc (Giao tiếp trên sổ ghi chép)**

- ① Trong sổ, trẻ con sẽ viết bài tập làm ở nhà, thời dụng biểu của ngày hôm sau và những đồ dùng cần mang theo v.v... của mình vào, và ngay cả thầy cô cũng viết vào đây để liên lạc với phụ huynh.
- ② Gia đình cũng có thể viết việc liên lạc vào sổ để truyền đạt đến thầy cô. Thí dụ như: vắng mặt, đi học trễ, về sớm hay khi phải uống thuốc v.v... Khi muốn hỏi hay cần bàn thảo điều gì với thầy cô thì viết vào cũng được. Nếu người nào thấy khó viết bằng chữ hiragana thì viết bằng chữ la-tinh (chữ cái a-b-c) cũng được luôn.
- ③ Phụ huynh mỗi ngày đều đọc xem sổ liên lạc. Sau khi đọc xong điều liên lạc hay phân hồi đáp câu hỏi từ thầy cô rồi thì xin hãy ký tên vào.



## 6. Đồ vật mang theo cho việc học (Tùy trường, sẽ khác)

\* Xin hãy viết tên đưa trẻ vào tất cả đồ dùng mang theo. Trên mỗi cây viết chì hay cục gôm cũng phải viết.

\* Học sinh lớp 1 bậc tiểu học thì xin hãy viết bằng chữ hiragana để cho các bạn cùng lớp cũng có thể đọc được.

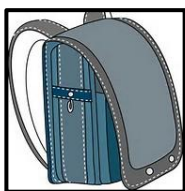
### A. Những đồ vật phụ huynh chuẩn bị sẵn trước cho đến ngày nhập học

#### <Riêng của trường tiểu học>

らんどせる がた  
ランドセル(型のかばん)

RANDOSERU

Cặp đeo đi học



て ぶくろ  
て ぶくろ

TESAGEBUKURO

Túi xách tay



たいそうぎ  
体操着

TAISOUGI

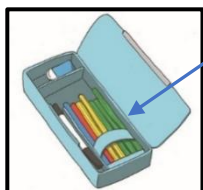
Áo quần thể dục



あかしろぼう  
赤白帽

AKASHIROBOU

Nón trắng đỏ



くろえんぴつ  
黒鉛筆

KURO ENPITSU (viết chì đen loại B đến 2B (khoảng 5 cây)),

あかえんぴつ  
赤鉛筆

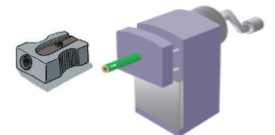
AKA ENPITSU (viết chì đỏ (1 cây)),

くろ  
くろ

消しゴム KESHIGOMU (cục gôm),  
黒の油性ペン KURO NO YUSEIPEN (viết (bút) lông mực dầu đen)

\*Viết chì thì mỗi ngày hãy chuốt trước ở nhà.

えんぴつけずり ENPITSU KEZURI (Đồ chuốt viết chì)→



したじき

SHITAJIKI

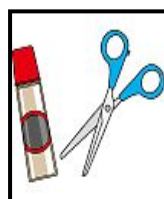
Tấm lót để viết



のり、はさみ

NORI, HASAMI

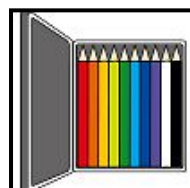
Keo, kéo



いろ  
色えんぴつ

IRO ENPITSU

Viết chì màu



くれよん  
クレヨン

KUREYON

Viết màu sáp (mỡ)



きゅうしよくよう な ふ きん  
給食用ナフキン

KYUUSYOKUYOU

NAFUKIN

Khăn trải lót khi ăn



な ふ きん い  
ナフキン入れ

NAFUKIN IRE

Bao đựng khăn trải lót



おりがみ

ORIGAMI

Giấy xếp thủ công



ぼうさい

防災ずきん\*

BOUSAI ZUKIN

Nón trùm đầu phòng

chống tai họa



へるめっと

ヘルメット

HERUMETTO

Nón bảo hiểm

chống tai họa



\*Cũng có trường vì trong lớp học có nón bảo hiểm, nên không mua nón trùm đầu phòng chống tai họa cũng được.

## A-2. Trường tiểu học & trường trung học cơ sở

<p>たいそうぎ い 体操着入れ TAISOUGI IRE Bao đựng áo quần thể dục</p> 	<p>つわ 上ばき たいいくかん 体育館ばき UWABAKI TAIKUKANBAKI Giày uwabaki / Giày mang trong phòng thể dục</p> 	<p>つわ ぶくろ 上ばき袋 たいいくかん 体育館ばき入れ UWABAKI BUKURO TAIKUKANBAKI BUKURO Bao đựng giày uwabaki</p> 	<p>ぞうきん ZOUKIN Khăn lau</p> 	<p>ふでばこ FUDEBAKO Hộp đựng viết</p> 
--	--	--	--	--

- ① Mỗi ngày, học sinh đều phải mang theo sách giáo khoa, tập vở và hộp viết để đi học.
- ② Vào ngày thứ Hai thì mang theo giày uwabaki đến trường. Đến ngày thứ Sáu thì mang về nhà và hãy giặt giày hàng hoàng.  
\* Chỉ là học sinh bậc tiểu học thôi.
- ③ Vào ngày thứ Hai thì mang theo áo quần thể dục đến trường. Trước giờ học thể dục thì thay áo quần thể dục mặc vào. Đến ngày thứ Sáu thì mang áo quần thể dục về nhà để giặt cho hàng hoàng.

## A-3. Riêng của trường trung học cơ sở thôi

Có đồ được trường chỉ định. Xin hãy hỏi nơi nhà trường để biết tiệm bán.

せいふく  
制服 SEIFUKU

(Đồ đồng phục)

\*Cũng có trường không  
có đồ đồng phục.




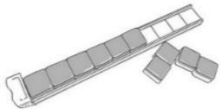
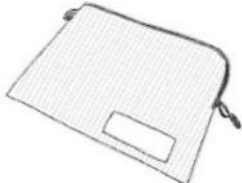


たいそうぎ  
体操着 TAISOUGI

(Áo quần thể dục)



## B. Đồ vật ở trường chuẩn bị (Tiền sẽ thu ở lớp)

\*Riêng của trường tiểu học thôi

<p>どうぐばこ 道具箱 OUGUBAKO Hộp đựng dụng cụ</p> 	<p>さんすうぶろっく 算数ブロック SANSUU BROKKU Các khối học toán</p> 	<p>れんらくぶくろ 連絡袋 RENRAKU BUKURO Bao đựng sổ liên lạc</p> 	<p>こくごのおと 国語ノート KOKUGO NOOTO vở quốc ngữ</p> 	<p>さんすうのおと 算数ノート SANSUU NOOTO vở toán</p> 
--	--	--	--	---

**C. Đồ vật mua sau khi nhập học** (Lúc mua thì sẽ có thông báo từ nhà trường)

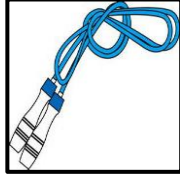
けんばん は あ も に か  
鍵盤ハーモニカ

KENBAN HAAMONIKA  
Kèn có phím bấm



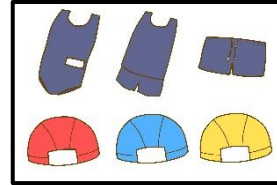
なわとび

NAWATOBI  
Dây để chơi nhảy dây



みずぎ ながそでながずぼん  
水着 (長袖, 長ズボンも OK)

MIZUGI  
Đồ tắm (tay dài,  
quần dài đều OK)



ごおぐる  
ゴーグル

GOOGURU  
Kính bơi



すいえいぼう  
水泳帽  
SUIEIBOU  
Nón bơi

え ぐせつと  
絵の具セット

ENOGU SETTO  
Bộ màu nước



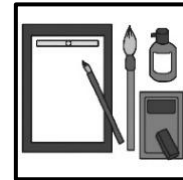
りこおだあ しょうがく ねんせい  
リコーダー (\*小学3年生から)

RIKOODAA  
Ổng sáo (\*tiểu học từ lớp 3)



しょうせつと ねんせい  
書道セット (\*3年生から)

SHODOU SETTO  
Bộ viết thư đạo (\*từ lớp 3)



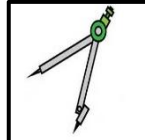
じょうぎ  
定規  
JOOGI

Thước kẻ



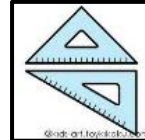
こんぱす ねんせい  
コンパス (\*3年生から)

Cây compa (\*từ lớp 3)



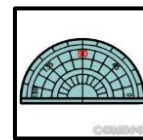
さんかくじょうぎ ねんせい  
三角定規 (\*3年生から)

Thước tam giác (\*từ lớp 3)



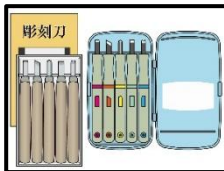
ぶんどき ねんせい  
分度器 (\*4年生から)

Thước đo độ (\*từ lớp 4)



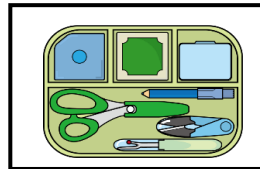
ちょうこくとう ねんせい  
彫刻刀 (\*4年生から)

CHOUKOKU TOU  
Dao khắc (\*từ lớp 4)



さいほうせつと ねんせい  
裁縫セット (\*5年生から)

SAIHOU SETTO  
Bộ đồ may vá (\*từ lớp 5)



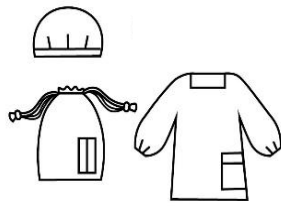
あるとりこおだあ ちゅうがく ねんせい  
アルトリコーダー (中学1年生から)

ARUTO RIKOODAA  
Sáo Aruto (từ lớp 1 trung học cơ sở)



#### D. Ngoài ra

- ① Thỉnh thoảng sẽ có thu tiền. Phí tài liệu giảng dạy (vở bài tập hay là vật liệu của môn thủ công v.v... tiền mua tài liệu giảng dạy), phí cho việc học tập bên ngoài trường hay là phí đi du lịch để học tập v.v... Về thu tiền thì có khi cho tiền vào phong bì rồi mang đến trường và có khi nhà trường sẽ rút trừ từ tài khoản.
- ② (Riêng của trường tiểu học thôi) có việc trực phiên phát cơm. Công việc của phiên trực phát cơm là luân phiên 1 tuần thay đổi. Vào ngày thứ Sáu chấm dứt phiên trực thì mang áo trắng và nón về nhà để giặt, ủi xong thì thứ Hai mang vào lại trong trường.



はくい ぼうし  
白衣と帽子 HAKUI, BOUSHI

Áo trắng và nón  
(nhà trường cho mượn)

### ★Tham khảo 3 Các môn học của học sinh tiểu học

Giáo viên chủ nhiệm sẽ dạy hầu hết các môn học.

- 1) **国語 KOKUGO** Quốc ngữ: Học sinh sẽ học chữ hiragana, katakana, và chữ kanji, và đọc các bài văn. Các em sẽ nói, viết những điều mình thấy, những điều mình nghĩ và nghe các bạn nói chuyện. Học tiếng Nhật không phải như là học một ngoại ngữ. Trong 6 năm tiểu học, các em sẽ học 1026 chữ kanji.
- 2) **算数 SANSUU** Toán số: Học sinh sẽ học số, tính toán và hình dạng. Các em cũng sẽ dùng thước kẻ và cây compa.
- 3) **生活科 SEIKATSUKA** Môn đời sống (Lớp 1, lớp 2) **理科・社会 RIKA・SHAKAI** Môn khoa học · xã hội (từ lớp 3 đến lớp 6) : Học sinh sẽ học về thiên nhiên và khu vực ở quanh các em và học về lịch sử. Từ năm lớp 3 môn khoa học và môn xã hội sẽ được tách riêng ra để học.
- 4) **音楽 ONGAKU** Âm nhạc: Học sinh sẽ học hát và diễn tấu bằng nhạc khí. Các em cũng sẽ dùng kèn có phím bấm, sáo, phách và trống lục lạc (tambourin) v.v...
- 5) **図工 ZUKOU** Thủ công: Học sinh sẽ học vẽ tranh bằng màu nước, học làm thủ công. Các em sẽ dùng giấy, đất sét, kéo và keo hồ. Nếu thành học sinh lớp 4 thì cũng có học sử dụng dao khắc để khắc gỗ.



- 6) **体育 TAIKU** **Thể dục:** Học sinh thay áo quần thể dục để học chạy, ném banh và vận động ở trên tấm đệm. Mùa hè (từ tháng 6) thì có giờ học bơi.



- 7) **道徳 DOUTOKU** **Đạo đức:** Học sinh sẽ học đạo đức và những quy định, luật lệ của xã hội, suy nghĩ về những điều quan trọng cho cuộc sống.

- 8) **家庭科 KATEIKA** **Môn gia chánh** (từ lớp 5): Học sinh sẽ học nấu ăn, học may cái túi và cái tạp dề.

- 9) **外国語活動 GAIKOKUGO KATSUDOU**・**外国語 GAIKOKUGO** **Hoạt động ngoại ngữ** (từ lớp 3) • **tiếng ngoại quốc** (từ lớp 5): Chủ yếu là học sinh sẽ sử dụng tiếng Anh để nói chuyện đơn giản với nhau. Học sinh từ lớp 5 thì cũng sẽ học các chữ cái (a-b-c) mẫu tự Latinh, đọc và viết.

\* Ngoài ra, học sinh sẽ học 「(thư pháp) sao chép lại」 để viết chữ cho đẹp và cũng có giờ học máy vi tính.

#### ★Tham khảo 4: Các môn học của học sinh trung học cơ sở

Giáo viên sẽ thay đổi, tùy theo môn học. Vào lúc kết thúc kỳ đầu và kỳ cuối thì học sinh sẽ nhận được 「Bảng thông báo」 (thành tích của mỗi môn học). Thành tích thì sẽ xếp theo thứ tự từ giỏi nhất 「5, 4, 3, 2, 1」. Không có bị ở lại lớp.

- 1) **国語 KOKUGO** **Quốc ngữ:** Học sinh sẽ được dạy cho có khả năng suy nghĩ, khả năng biểu hiện trong cái nghe, cái viết, cái đọc và cái nói bằng tiếng Nhật. Sẽ không dạy tiếng Nhật cho các em như là ngôn ngữ thứ hai. Các em cũng sẽ được học (cổ văn) là những câu, bài văn sử dụng những chữ, từ ngữ tiếng Nhật (cổ) của ngày xưa và Hán văn hay những bài thơ (cổ) xưa của Trung quốc.

- 2) **数学 SUUGAKU** **Số học:** Học sinh sẽ học về các con số, phép tính toán, phép đo đạc và hình học v.v... và các em cũng sẽ dùng thước kẻ và cây compa.

- 3) **理科RIKA** **Khoa học:** Học sinh sẽ học về sinh vật (thực vật, động vật, di truyền v.v...), địa chất (vũ trụ, địa chấn, thời tiết v.v...), vật lý (vận động, dòng điện, ánh sáng ▪ âm thanh v.v...), hóa học (vật chất và phản ứng hóa học, nguyên tố và hợp chất). Các em cũng học thực nghiệm và quan sát v.v...

- 4) **社会 SHAKAI** **Xã hội:** Ở lớp 1 và lớp 2 của trường trung học cơ sở, học sinh sẽ học về địa lý (môi trường tự nhiên của trái đất và đặc tính của khu vực, khí hậu, địa hình v.v...), lịch sử (lịch sử Nhật Bản và lịch sử thế giới v.v...). Lúc lên lớp 3 bậc trung học cơ sở, học sinh sẽ học về công dân (chính trị, kinh tế, sự liên quan giữa cá nhân và xã hội v.v...). Suy nghĩ về các vấn đề của xã hội.

- 5) **英語 EIGO** **Anh ngữ:** Ở trường tiểu học, học sinh được học bảng chữ cái (a-b-c) mẫu tự Latinh và những diễn đạt bằng tiếng Anh đơn giản. Lên trung học cơ sở thì các em sẽ học nhiều về các văn phạm khác nhau. Các em sẽ được dạy để có khả năng ứng dụng tiếng Anh vào trong các hoạt động nói, đọc, viết và nghe.
- 6) **音楽 ONGAKU** **Âm nhạc:** Học sinh sẽ học hát và diễn tấu bằng nhạc khí. Các em cũng sẽ học cách đọc các nốt nhạc. Và cũng học về các bản nhạc danh tiếng.
- 7) **美術 BIJUTSU** **Mỹ thuật:** Học sinh sẽ vẽ tranh và tạo ra tác phẩm. Các em cũng có sử dụng dao khắc để khắc lên cây gỗ. Các em cũng sẽ học về các tác phẩm mỹ thuật danh tiếng.
- 8) **保健体育 HOKEN TAIIKU** **Bảo vệ sức khỏe và thể dục:** Trong giờ thể dục, học sinh thay áo quần thể dục để học chạy, ném banh và tập vận động trên tấm đệm. Mùa hè (từ tháng 6) thì có giờ học bơi. Trong giờ học bảo vệ sức khỏe thì các em sẽ học về sự phát triển của cơ thể, phòng ngừa tai nạn và sơ cứu, thói quen sinh hoạt lành mạnh và các hành động không tốt đến sức khỏe (như là hút thuốc lá, sử dụng ma túy).
- 9) **技術・家庭科 GIJUSTU・KATEIKA** **Kỹ thuật và gia chánh:** Trong giờ học kỹ thuật thì, học sinh dùng các vật liệu bằng gỗ, kim loại v.v... để chế tạo đồ vật. Các em học về kiến thức kỹ thuật cơ bản của máy tính và truyền thông, thông tin. Trong giờ học gia chánh thì các em học nấu ăn và may vá. Cũng có học về đời sống gia đình, dinh dưỡng và cư trú.

\*Ngoài ra, các em học 「(thư pháp) sao chép lại」 để viết chữ cho đẹp và học về đạo đức (những quy định và luân lý), và cũng có giờ học tập tổng hợp và hoạt động đặc biệt.

### ★Quan trọng

**Đối với học sinh trung học cơ sở, việc ôn tập ở nhà, làm bài tập về nhà và học cho các bài kiểm tra là rất quan trọng. Nếu các em thấy khó khăn khi tự học thì cũng có một số trường có tổ chức 「hỗ trợ học tập」 sau giờ học. Ngoài ra cũng có những lớp học của tại địa phương do các tình nguyện viên giúp đỡ cho. Hãy tìm hiểu xem nhé.**

## 7. Một ngày ở trường tiểu học • trung học cơ sở

### 1) <sup>あさ かい あさ がくしゅう</sup>朝の会 / 朝の学習 ASA NO KAI / ASA NO GAKUSYUU

(Họp buổi sáng / Học tập buổi sáng)

Tại cuộc họp vào buổi sáng, giáo viên sẽ quan sát sức khỏe của trẻ con, xác nhận sự hiện diện và sau đó là lịch trình trong ngày. Trong giờ học buổi sáng, trẻ con sẽ đọc sách, làm một bài kiểm tra nhỏ.

### 2) <sup>じゅぎょう</sup>授業 JUGYOU (Giờ học)

Một tiết học của trường tiểu học là 45 phút. Sau đó, có 5 phút nghỉ. Sau tiết học thứ 2 thì có 20 phút nghỉ.

Một tiết học của trường trung học cơ sở là 50 phút. Sau đó, có 10 phút nghỉ. Các em thì phải kiểm tra xác nhận lại thời khóa biểu (<sup>じ かんわり</sup>時間割 JIKAN WARI) để chuẩn bị các đồ dùng cần thiết như là sách giáo khoa và tập vở cho tiết học kế tiếp.

Không phải chỉ có kết quả của bài thi, mà các vấn đề của tiết học và các bài tập về làm ở nhà cũng sẽ liên quan đến thành tích học. Về cơ bản, thành tích từ năm thứ hai của trường trung học cơ sở sẽ được sử dụng làm tài liệu cho kỳ thi vào trường trung học phổ thông.

### 3) <sup>ちゅうしょく</sup>昼食 CHUUSYOKU (Bữa ăn trưa)

Từ thứ Hai đến thứ Sáu, ở trường tiểu học thì có bữa ăn trưa (<sup>きゅうしょく</sup>給食 KYUSHOKU). Tất cả mọi người sẽ cùng ăn bữa cơm trưa ở tại lớp học. Bữa ăn thì sẽ do thầy cô giáo và nhóm trực chuẩn bị. Nếu có thức ăn nào không thể ăn được vì lý do tôn giáo và vì bị dị ứng thì xin hãy bàn thảo với nhà trường. Thí dụ: Có những trường hợp: chỉ ăn cơm trường cung cấp không có thứ gây dị ứng, chỉ uống sữa giống với mọi người hoặc là mang cơm bento từ nhà tới để ăn.



Ở trường trung học cơ sở thì, nếu đặt hàng trước thì từ thứ Hai đến thứ Sáu sẽ nhận lấy được cơm cung cấp. Không có xử lý việc dị ứng. Học sinh nhìn xem thực đơn trong tháng và có thể chọn ngày muốn ăn. Học sinh chưa đặt hàng thì sẽ mang đi theo cơm bento.

### 4) <sup>そうじ</sup>掃除 SOUJI (Dọn vệ sinh)

Trong các trường học ở Nhật Bản, mỗi ngày học sinh sẽ tự dọn dẹp lớp học, hành lang, phòng vệ sinh, v.v..



## 5) 帰りの会 かえ かい KAERI NO KAI (Buổi họp trước khi về)

Học sinh sẽ có một cuộc họp trước khi ra về để có thông báo về bài tập về nhà và các hoạt động của ngày hôm sau cho các em.

## 6) クラブ活動 かつどう KURABU KATSUDOU (Hoạt động câu lạc bộ) (trường tiểu học) •

### 部活動 ぶ かつどう BUKATSUDOU (Hoạt động bộ môn) (trường trung học cơ sở) •

### 委員会活動 いんかい かつどう IINKAI KATSUDOU (Hoạt động hội học sinh)

Ở tiểu học, khi lên lớp 5, lớp 6 thì học sinh có các hoạt động của hội học sinh và hoạt động câu lạc bộ. Ở hoạt động câu lạc bộ thì các em tự chọn câu lạc bộ theo sở thích của chính mình để tham gia. Hoạt động bộ môn của trung học cơ sở thì hoạt động sau khi tan học. Cũng có những bộ môn luyện tập vào buổi sáng, thứ bảy và chủ nhật. Cũng có trường không muốn tham gia vào hoạt động bộ môn cũng được.



Hoạt động hội học sinh là có nhận các phần việc được phân công để làm ở tại trường.

Khi nộp đơn thi vào trường trung học phổ thông, học sinh có thể trình bày về các hoạt động của câu lạc bộ và hội học sinh của mình.

## 8. Hãy luyện tập trước khi nhập học vào trường tiểu học

Đi vệ sinh (tiêu, tiểu) một mình.

Thay đồ một mình.

Đi bộ từ nhà đến trường.

Nói được từ số ①~⑤

① Tên của mình

② Biết trả lời 「はい」 khi nghe thầy cô gọi tên mình

③ Biết nói 「ありがとう」 và 「ごめんなさい」

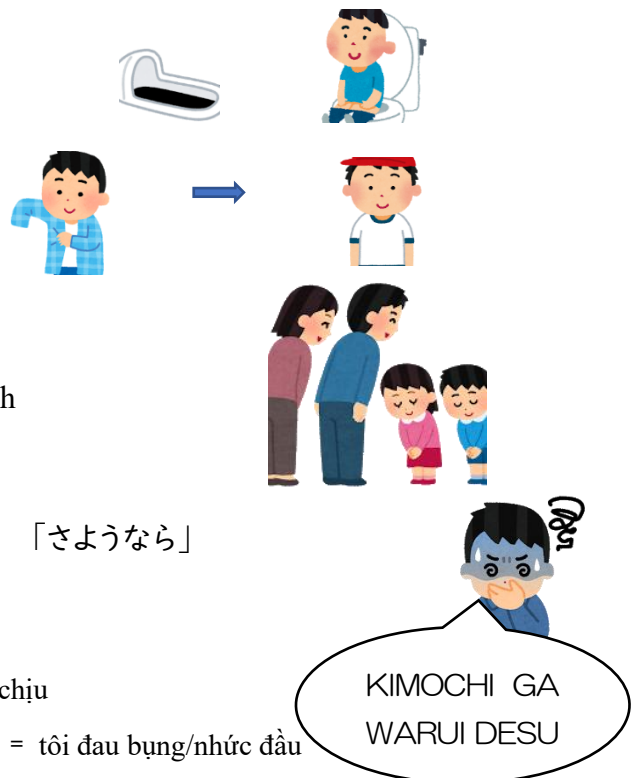
④ Biết nói 「おはようございます」 「こんにちは」 「さようなら」

⑤ (Cách nói khi gặp khó khăn): thí dụ

「きも わる 気持ちが悪い」 = kimochi ga warui = tôi khó chịu

「おなか あたま おなか / 頭がいたい」 = onaka / atama ga itai = tôi đau bụng/nhức đầu

「トイレ い トイレに行きたい」 = toire ni ikitai = tôi muốn đi nhà vệ sinh



## ★ Tham khảo 5: Chế độ giáo dục của Nhật Bản

Giáo dục bắt buộc là 9 năm bao gồm bậc tiểu học và bậc trung học cơ sở. Không có bị ở lại lớp.

Năm lớp học được quyết định theo ngày sinh của đứa trẻ. Tuy nhiên, cũng có những em vừa mới đến Nhật thì vào học sệt xuống hơn 1 lớp. Xin hãy bàn thảo với nhà trường.

Để được vào học trường trung học phổ thông, trường đại học và trường chuyên môn thì phải trải qua những cuộc thi.



Trường / lớp mẫu giáo

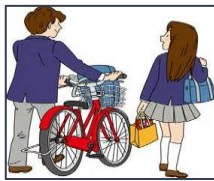


Trường tiểu học (trong 6 năm)

Trẻ con từ tháng 4 sau ngày sinh nhật 6 tuổi là vào học lớp 1 .



Trường trung học cơ sở (trong 3 năm)



Trường trung học phổ thông (trong 3 năm)

\*Để được vào học trường trung học phổ thông thì phải trải qua kỳ thi tuyển, nếu đậu được thì mới có thể vào học.

\*Cũng có trường trung học phổ thông 4 năm và trường trung học phổ thông ban đêm.

\*Những học sinh đến Nhật còn trong vòng 6 năm thì cũng có trường trung học phổ thông có thể sử dụng cách thức thi đặc biệt. Để biết rõ

chi tiết thì xin hãy xem nơi đây ➔



Đại học (trong 4 năm) • Đại học đoản kỳ (trong 2 năm) •

Trường học chuyên môn (trong 2 năm)

\*Để được vào học ở trường thì phải trải qua kỳ thi tuyển.



## 9. Tiền hao tổn cho việc giáo dục

A) Ở Nhật Bản, sau khi hoàn tất việc giáo dục bắt buộc, cỡ 98% học sinh sẽ tiếp tục học lên trung học phổ thông. Sau khi xong phổ thông, cỡ 84% học sinh tiếp tục học lên đại học hay là đi trường chuyên môn.

(Tham chiếu: Bộ Văn hóa Giáo dục Khoa học (năm 2021) 「Về hiện trạng giáo dục trung học phổ thông」)

B) Tiếp tục đi học thì tốn tiền. Hơn nữa, ngay cả trường tiểu học cũng tốn tiền. Thí dụ, tiền cần thiết thì giống như dưới đây. (Nếu là học trường công. Tổng cộng học phí trường học và phí ăn trưa ở trường v.v...)

- **Trường tiểu học:** Trong 1 năm thì tốn khoảng 105.000 yên (mua áo quần thể thao, bộ màu nước, bộ đồ may vá và phí ăn cơm trưa tại trường và phí đi du lịch để học tập v.v...) x 6 năm.
- **Trường trung học cơ sở:** Trong 1 năm thì tốn 170.000 yên (tiền mua dụng cụ chơi các bộ môn, tiền áo quần đồng phục và tiền du lịch để học tập v.v...) x 3 năm
- **Trường trung học phổ thông:** Trong 1 năm thì tốn 309.000 yên (tiền nhập học, tiền học, tiền hoạt động bộ môn, tiền đi du lịch để học tập v.v...) x 3 năm

\*Ngoài ra, nếu học thêm môn gì đó hay là đi học kèm thêm thì càng tốn tiền hơn.

\*Khi thi vô trường trung học phổ thông hay trường học chuyên môn, trường đại học thì cần đóng tiền thi (tiền này là tiền đóng để đi thi, không phải là tiền học).

(Tham chiếu: Bộ Văn hóa Giáo dục Khoa học (năm 2021) 「Điều tra phí học tập của trẻ con」)



C) Tuy là phải cần nhiều tiền như vậy, nhưng cũng có hỗ trợ (Chế độ hỗ trợ việc đi học) :

- **Tiểu học - trung học cơ sở:** <sup>しゅうがくえんじょせいど</sup> 就学援助制度 SHUUGAKU ENJO SEIDO (Chế độ hỗ trợ việc đi học).
- **Trung học phổ thông:** <sup>こうとうがっこうしゅうがくしえんきんせいど</sup> 高等学校等就学支援金制度 KOUTOU GAKKOU TOU SHUUGAKU SHIENKIN SEIDO (Chế độ hỗ trợ tiền đi học trung học phổ thông)、<sup>しょうがくきゅうふきんせいど</sup> 奨学給付金制度 SHOUGAKU KYUUHUKIN SEIDO (Chế độ phụ cấp tiền học bổng)、<sup>こうとうがっこうしゅうがくきん</sup> 高等学校等奨学金 KOUTOU GAKKOU TOU SHOUGAKUKIN (Học bổng học trung học phổ thông).
- **Đại học - trường chuyên môn...:** có nhiều loại học bổng

D) Để lo việc học cho con trẻ thì điều quan trọng là để dành tiền từ khi trẻ còn nhỏ. Phụ huynh hãy làm thủ tục xin trợ cấp nhi đồng (tiền có thể nhận được từ thành phố nơi mình sống để lo cho con trẻ) và sau đó hãy để tiết kiệm từng chút một bằng cách sử dụng loại tích lũy tự động ở ngân hàng v.v...

## **10. Thí dụ về những giấy tờ nộp cho nhà trường**

\* Tùy trường , cũng có những giấy tờ khác nữa.

1. ほけんちょう さひょう 保健調査票 HOKEN CHOOSA HYOU (Phiếu điều tra (bảo vệ) sức khỏe)
2. しんぞうびょうちょう さひょう 心臓病調査票 SHINZOUBYOU CHOOSA HYOU  
(Phiếu điều tra bệnh tim)
3. しゅうがくえんじょせい ど し 就学援助制度のお知らせ SYUUGAKUENJYO SEIDO NO OSHIRASE  
(Thông báo chế độ hỗ trợ việc đi học)
4. しゅうがくえんじょしんせいけん せ たいひょう 就学援助申請兼世帯票 SYUUGAKU ENJYO SINSEI KEN SETAI HYOU  
(Phiếu kê khai gia cảnh kiêm đơn xin hỗ trợ việc đi học)
5. じどう こじんひょう じどう か あ ど 児童個人票 (児童カード) JIDOU KOJIN HYOU (JIDOU KAADO) Phiếu cá nhân nhi đồng  
(Thẻ nhi đồng)
6. せいと こじんひょう せいと か あ ど 生徒個人票 (生徒カード) SEITO KOJIN HYOU (SEITO KAADO) Phiếu cá nhân học sinh (Thẻ học sinh) \* Tùy trường sẽ khác.
7. きゅうしょくかんけいぶんしょ こうざ ふりかえ 給食関係文書 (口座振替など) KYUUSYOKU KANKEI BUNSYO (KOUZA FURIKAE)  
(Văn thư liên quan về bữa cơm cung cấp ở trường (chuyển khoản v.v...))

- Tùy ngôn ngữ cũng có văn thư được phiên dịch. Xin hãy hỏi nhà trường.
- Xin hãy đưa nộp trước hạn chót. Có điều gì không hiểu thì xin hãy hỏi nhà trường.

## **11. Liên quan đến ngôn ngữ (tiếng) ▪ văn hóa**

### **1) Giao tiếp của ở gia đình**

Khi con trẻ đã đi học, phụ huynh hãy thường xuyên hỏi con trẻ về tình hình của trong trường học. Có như vậy thì khi con trẻ gặp điều gì khó khăn sẽ trở nên dễ dàng bàn bạc nói chuyện với phụ huynh.

Ngôn ngữ thì, sử dụng ngôn ngữ của ở gia đình (tiếng mẹ đẻ) cũng được, tiếng Nhật cũng được, hay bằng ngôn ngữ nào dễ giao tiếp là được. Điều quan trọng là có thể nói được, bằng một trong hai ngôn ngữ, khi muốn nói về những điều phức tạp (như việc học lên nữa hoặc chuyện tương lai). Để cho con trẻ có thể không quên tiếng mẹ đẻ thì trong gia đình nói nhiều bằng ngôn ngữ này, và phụ huynh nên cố gắng học tiếng Nhật có lẽ là tốt. Nhưng mà, thay vì ráng cố sức nói tiếng Nhật thì phụ huynh nên nói bằng cái ngôn ngữ mà

mình thành thạo thì tốt hơn. Nếu như con trẻ trở nên giỏi tiếng Nhật, phụ huynh thì nói với con bằng ngôn ngữ trong gia đình, con thì trả lời bằng tiếng Nhật ..., nhưng dù cho nói như vậy mà hiểu được lẫn nhau thì cũng tốt.

Việc giao tiếp ở nhà là điều quan trọng hơn hết.

## **2) Ngôn ngữ gia đình (tiếng mẹ đẻ) - Văn hóa**

Đối với trẻ con đa văn hóa, ngôn ngữ (= ngôn ngữ gia đình) và văn hóa đang được thừa hưởng từ cha mẹ và ông bà rất quan trọng.

Những điều con trẻ đang biết bằng tiếng mẹ đẻ hoặc là khả năng suy nghĩ và khả năng biểu đạt thì cũng sẽ hữu ích cho khi học bằng tiếng Nhật. Ngược lại, nếu không trau dồi khả năng suy nghĩ bằng ngôn ngữ một cái gì đó, thì tự chính mình sẽ trở nên khó có thể suy nghĩ được sâu sắc.

Ngoài ra, khi con trẻ đến tuổi thiếu niên, chúng sẽ suy nghĩ về việc mình là ai. Vào lúc đó, việc biết ngôn ngữ gia đình và nền văn hóa đang được thừa hưởng sẽ trở thành 1 phần bản sắc và sự tự tin của chúng. Sự quan hệ với phụ huynh và bà con thân thuộc cũng mạnh hơn.

Để trau dồi ngôn ngữ thì cần có nhiều kinh nghiệm bằng ngôn ngữ đó. Bằng những việc đơn giản như lắng nghe hay nói chuyện của trong ngày, việc truyền đạt sự suy nghĩ, việc đọc sách cho nghe hoặc xem một video là được rồi. Văn hóa cũng vậy, hãy vui hưởng với những điều gần gũi chung quanh chẳng hạn như ẩm thực và những phong tục tập quán đơn giản. Nếu đem giới thiệu ở trường học v.v... các bạn cùng lớp cũng sẽ có hứng thú. Hãy đưa đề nghị với giáo viên chủ nhiệm v.v... thử xem.



## **3) Từ ngữ dùng trong cuộc sống hàng ngày và từ ngữ dùng trong học tập**

Khi nhìn thấy con trẻ sử dụng tiếng Nhật, nói chuyện lưu loát ở trường, thì không chừng phụ huynh có thể nghĩ 「đã không sao rồi!」. Tuy nhiên, khi vào giờ học cũng có trẻ gặp khó khăn vì không hiểu bài.



Người ta nói rằng trẻ con khi học tập một ngôn ngữ mới, nhớ biết được những từ ngữ sử dụng trong cuộc sống hàng ngày thì đại khái phải mất cỡ 2-3 năm. Còn ngôn ngữ học tập (từ ngữ dùng trong việc học) thì được nói là phải mất cỡ 5-10 năm. Từ ngữ dùng lúc học tập trong giờ học thì rất khó. Và rồi học điều mới bằng tiếng Nhật mà không biết tiếng mẹ đẻ của mình thì lại càng khó hơn. Để trẻ con có thể hiểu được nội dung đang học ở lớp, thì cần phải hỗ trợ bằng cách dễ hiểu đối với đứa trẻ đó, bằng tiếng Nhật hay bằng ngôn ngữ nào khác cũng được.

Khi con trẻ vào trường rồi, xin hãy chú ý theo sát, sát tình trạng học tập của con trẻ. Kể đó, nếu ở gia đình không thể hỗ trợ được cho trẻ, hãy viết vào sổ liên lạc • hoặc liên lạc bằng điện thoại để nói chuyện bàn thảo với thầy cô của trường. Bàn thảo với người hiểu biết được ngôn ngữ của người phụ huynh, với người thiện nguyện hoặc người sống chung trong khu vực đều được hết.

## ★Tham khảo 6:Khi gặp khó khăn, có thể bàn thảo.

\* Cũng xin hãy xem internet.

\* Khi gặp khó khăn thì hãy nói chuyện với giáo viên của trường tiểu học, trung học cơ sở, giáo viên mẫu giáo hoặc với giáo viên của nhà trẻ cũng được.

### 1) **Quầy tư vấn cho người ngoại quốc nơi sảnh đường chính của Tòa thị chính Fujisawa**

(tiếng Anh: 8:30 ~ 11:30 / 13:30 ~ 16:30)

(tiếng Tây Ban Nha • tiếng Bồ Đào Nha) 8:30 ~ 12:00 / 13:30 ~ 17:00)

Làm việc mỗi tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu (đầu năm, cuối năm và ngày lễ thì nghỉ)

Địa điểm: Tòa thị chính lầu 4 sảnh đường chính Ban thông tin tư vấn thị dân Phòng tư vấn thị dân người ngoại quốc

☎ 0466-50-3568

Link của trang nhà ⇒



### 2) **Tư vấn cho người ngoại quốc tại Trung tâm văn hóa Shonandai-Shonandai Bunka center** (tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha)

Làm việc mỗi tuần thứ Hai – thứ Ba – thứ Sáu (đầu năm, cuối năm và ngày lễ thì nghỉ)

8:30 ~ 12:00 / 13:00 ~ 17:00

Địa điểm: Shonandai Bunka center Lầu 2 Phòng tư vấn cho thị dân người ngoại quốc

Chỉ gặp mặt để tư vấn bàn thảo, không thể tư vấn qua điện thoại.

Link của trang nhà ⇒

<https://www.city.fujisawa.kanagawa.jp/soudanc2-1/shise/kocho/shiminsodan/gaikokujin.html>



### 3) **(Earth) a-su puraza Tư vấn giáo dục** きょういくそうだん **あーすぷらざ 教育相談**

(tiếng Tagalog, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Trung Quốc, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Việt Nam)

Thứ Ba: tiếng Tagalog

Thứ Tư: tiếng Bồ Đào Nha

Thứ Năm và thứ Bảy: tiếng Trung Quốc

Thứ Sáu: tiếng Tây Ban Nha, tiếng Việt Nam

10:00 ~ 13:00 / 14:00 ~ 17:00

☎ 045-896-2972

Điện thư-mail: [soudan1@earthplaza.jp](mailto:soudan1@earthplaza.jp)

Link của trang nhà ⇒

[https://www.earthplaza.jp/ep/forum/foreign\\_education/index.html](https://www.earthplaza.jp/ep/forum/foreign_education/index.html)



### 4) **Trung tâm chi viện đa ngôn ngữ Kanagawa** たげんごしえんせんたあ **多言語支援センターかながわ**

(tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Tagalog, tiếng Việt Nam, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Nepal, tiếng Thái, tiếng Hàn Quốc • tiếng Triều Tiên, tiếng Nam Dương, tiếng Nhật đơn giản). Tùy theo ngôn ngữ mà ngày bàn thảo tư vấn trong tuần sẽ khác nhau. Về chi tiết thì, xin hãy xác nhận bằng đường link URL

9:00 ~ 12:00 / 13:00 ~ 17:15

☎ 045-316-2770

Link của trang nhà ⇒

<https://kifjp.org/kmlc/>



## ★Tham khảo 7: Video giới thiệu • trang web

### 1) "Rất vui được gặp bạn! Từ hôm nay mình sẽ là bạn"

“Chỉ cho tôi! Trường tiểu học của Nhật Bản” (Bộ Văn hóa Giáo dục Khoa học)

<https://casta-net.mext.go.jp/multilingual-contents/videos-for-learners>



Đang giải thích về trường tiểu học của Nhật Bản. Có video âm thanh của nhiều ngôn ngữ khác nhau. (tiếng Anh, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Trung Quốc, tiếng Phi, tiếng Việt Nam, tiếng Cambodia, tiếng Nam Dương, tiếng Hàn Quốc • tiếng Triều Tiên, tiếng Mông Cổ, tiếng Miến Điện, tiếng Nepal, tiếng Thái, tiếng Ukraina).

### 2) "Sinh hoạt học đường của Tokyo" (Ủy ban Giáo dục Thủ đô Tokyo)

[https://www.kyoiku.metro.tokyo.lg.jp/static/tokyono\\_gakkoseikatsu/index.html](https://www.kyoiku.metro.tokyo.lg.jp/static/tokyono_gakkoseikatsu/index.html)



Bạn sẽ có thể hiểu được trường tiểu học ▪ trung học cơ sở là như thế nào. Cũng có video có âm thanh bằng tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Ukraina, tiếng Hàn Quốc • tiếng Triều Tiên, tiếng Phi. Nếu như có phụ đề thì bất cứ ngôn ngữ nào cũng có thể xem hiểu được.

### 3) Sách hướng dẫn tiếng Nhật dùng cho học sinh • trẻ con người ngoại quốc 「Trường học vui vẻ」

(Ủy ban Giáo dục Thủ đô Tokyo)

[https://www.kyoiku.metro.tokyo.lg.jp/school/japanese/tanoshi\\_gakko.html](https://www.kyoiku.metro.tokyo.lg.jp/school/japanese/tanoshi_gakko.html)



Có thể học được nhiều kiểu cách biểu hiện được sử dụng ở trường học. Có thể nghe được âm thanh nếu kết hợp đầy con trỏ (chuột) lên chữ biểu hiện

### ◆ Tư liệu tham khảo:

にんていとくていひえいりかつどうほうじん きょういっかつどうそうごうさばーとせんたー にゅうがくがいどぶっく ねんどぼん  
・認定特定非営利活動法人 教育活動総合サポートセンター『入学ガイドブック(2021年度版)』

あいちけん ぶれすくうるじっしまにゅある  
・愛知県「プレスクール実施マニュアル」

あいち きょういっくたいがくがいこくじんじどうせいとしえん こくさい にほん しょうがっこう にゅうがく まえ  
・愛知教育大学 外国人児童生徒支援リソースルーム「国際ファミリーのための日本の小学校に入学する前にリーフレット」

いばらき せんたあ こもんずぐろおぼるせんたあ しゅうえん しゅうがくりいふれっと  
・茨城NPOセンター・コモンズグローバルセンター「就園・就学リーフレット」

## Sách hướng dẫn nhập học • chuyển trường dành cho trẻ con và phụ huynh đa văn hóa ~Ấn bản của thành phố Fujisawa~ (Tiếng Việt)

Phát hành : tháng 2 năm 2023 , Ấn bản thứ ba : tháng 2 năm 2025

Phát hành bởi : Tokutei Hieiri Katsudo Houjin NPO Shonan Tabunka Garden (Tên cũ: Lớp học Preschool thành phố Fujisawa)

Email: shonantabunkag@gmail.com

Tác giả / biên tập : 加藤 真帆子 (KATO Mahoko) 白頭 宏美 (HAKUTO Hiromi)

Bản dịch : ハーアンヴォ (HAANH VO)

Hiệp lực : 藤沢市教育委員会 (Ủy ban Giáo dục Thành phố Fujisawa)

※ Tập sách nhỏ này được biên soạn với sự hỗ trợ của 「Khóa học hỗ trợ tăng cường Dự án hỗ trợ hoạt động Mirai Kanaeru」 năm 2024 của thành phố Fujisawa .